

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-8-2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Nguyễn Văn Trò

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị H** - sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tạm trú tại: Số nhà 112, tổ 7, ấp 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Bùi Huy S** - sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi Huy S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 29/10/2007, đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S ham

chơi, có quan hệ phức tạp với người phụ nữ khác và đánh chửi chị. Chị H đã cùng gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đầu tháng 5/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Bùi Đăng D - sinh ngày 23/01/2009, Bùi Duy T - sinh ngày 15/10/2014, Bùi Thị Trà G - sinh ngày 29/9/2012. Hiện cháu D và cháu T đang ở cùng anh S tại khu Đ xã T, cháu G đang ở cùng chị H tại Đồng Nai. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu G, để anh S trực tiếp nuôi 02 cháu D, T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Huy S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn là đúng. Theo anh S, vợ chồng luôn sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Gần đây, do chị H nghe lời em dì (em gái chị H), hám lợi nên chị H bỏ anh và các con đi vào miền Nam làm thuê, không quay về nữa. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh S không đồng ý, vì anh xác định vẫn còn tình cảm yêu thương với chị H và anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi 3 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không có mặt để làm việc theo giấy báo của Tòa án. Khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nơi ở của bị đơn làm việc nhưng bị đơn không hợp tác, cụ thể là: khai nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai, nhận Thông báo thụ lý và văn bản tố tụng khác nhưng không ký vào biên bản giao nhận; vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Huy S.
2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Trà G, sinh ngày 29/9/2012; Giao cho anh Bùi Huy S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Đăng D, sinh ngày 23/01/2009, Bùi Duy T- sinh ngày 15/10/2014. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề cập giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.
4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Huy S là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh S có nơi cư trú tại xã Tam S, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn là anh Bùi Huy S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Huy S đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh, chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ nơi vợ chồng chị H, anh S sinh sống cho biết như sau: “vợ chồng chị H, anh S có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều

năm nay. Nguyên nhân do anh S thường xuyên uống rượu và nhiều lần đánh chửi chị H. Khoảng đầu năm 2020, anh S và chị H vào miền Nam để làm thuê nhưng đầu tháng 5/2020 anh S trở về nhà ở xã T còn chị H ở lại, thi thoảng chị H có về nhưng cũng không ở lại nhà với anh S. Từ tháng 5/2020, vợ chồng sống ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ”. Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị H cương quyết đề nghị được ly hôn, còn anh S mặc dù đã được giải thích quy định của pháp luật về trình tự hòa giải tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn kéo dài cuộc sống chung chỉ xuất phát từ một bên,. Do vậy, chị H đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Việc anh S đề nghị đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự cho thấy chị H hiện tạm trú tại tỉnh Đồng Nai và có nghề nghiệp là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Gas Tân Phong tại tỉnh Đồng Nai, thu nhập mỗi tháng 5.500.000đồng. Còn anh S không cung cấp tài liệu chứng cứ về nghề nghiệp, thu nhập của bản thân. Tuy nhiên, theo lời trình bày của mẹ đẻ anh S là bà Nguyễn Thị N thì anh S làm thợ xây tại thành phố Hà Nội, mỗi tháng về thăm nhà khoảng 2 đến 3 lần, con chung được anh S nhờ bà N trông nom hộ. Điều này chứng tỏ nếu giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung thì sẽ có khó khăn về kinh tế và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Đồng thời, cháu Bùi Thị Trà G đang ở với chị H, còn các cháu Bùi Đăng D, Bùi Duy T ở cùng anh S. Nguyên vọng của các cháu D, T muốn ở với anh S, còn cháu G có nguyện vọng là ở với bố hoặc mẹ cũng được. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định của con chung, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng các cháu D, T và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, vì các đương sự không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Huy S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Bùi Thị Trà G - sinh ngày 29/9/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Bùi Đăng D - sinh ngày 23/01/2009, Bùi Duy T - sinh ngày 15/10/2014 cho anh Bùi Huy S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì các đương sự không yêu cầu.

2.2. Chị Lê Thị H, anh Bùi Huy S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003606 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh S hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

VKSND tỉnh, huyện CK;  
- Đương sự;  
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;  
- UBND xã T;  
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Văn Thắng**